

Bản án số: 22/2021/DS - ST
Ngày: 28 - 6 - 2021
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Tiến

2. Bà Trần Lệ Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lục Thanh N, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lục Thanh N trình bày:

Vào năm 2016 bà có hợp tác với ông Nguyễn Văn P thuê tàu cá số CM91353 của ông Nguyễn Văn A để thu mua cá, bà bỏ ra 600.000.000 đồng để đầu tư sửa chữa con tàu. Sau đó do hoạt động không hiệu quả nên ông P đã cho bà

Lê Thị Ngọc D thuê lại tàu này; theo đó các bên gồm bà, ông P và bà D đã lập Tờ thoả thuận trả tiền sửa chữa ghe ngày 16/11/2017 có nội dung giao con tàu cho bà D quản lý sử dụng thời hạn 10 năm (đến năm 2028), bà D đồng ý chịu trách nhiệm trả lại tiền sửa chữa tàu mà bà N đã đầu tư là 600.000.000 đồng; phương thức trả 15.000.000 đồng/tháng vào ngày 15 hàng tháng; trả trong 40 tháng là dứt nợ.

Tính từ tháng 11/2017 đến tháng 8/2020 là 33 tháng nhưng bà D chỉ trả cho bà được tổng số tiền là 315.000.000 đồng, tương đương 21 tháng. Hiện tại thoả thuận nêu trên đã kết thúc thời hạn 40 tháng trả nợ vào tháng 3/2021. Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2020 bà yêu cầu bà D trả số tiền là 285.000.000 đồng; tuy nhiên do trong quá trình Toà thụ lý giải quyết vụ án thì bà D có trả cho bà một lần được 90.000.000 đồng, nên tổng cộng bà D đã trả được số tiền là 405.000.000 đồng. Tại phiên hoà giải ngày 10/5/2021 bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc bà D phải trả cho bà số tiền còn lại là 195.000.000 đồng; ngoài ra bà không còn yêu cầu này khác.

Tại phiên toà bà N có ý kiến cho bà D được trả dần mỗi tháng 15.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 195.000.000 đồng; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản hoà giải ngày 10/5/2021 và tại phiên toà bị đơn là bà Lê Thị Ngọc D trình bày:

Bà thừa nhận có việc bà cùng bà N và ông P lập Tờ thoả thuận trả tiền sửa chữa ghe ngày 16/11/2017; từ thời điểm lập thoả thuận thì tàu cá số CM91353 do bà quản lý, tuy nhiên do làm ăn không được nên bà cũng đã cho thuê lại với giá 90.000.000 đồng/ năm. Khi lấy được tiền thuê tàu thì bà đã giao luôn số tiền này cho bà N. Bà thừa nhận tổng số tiền bà đã giao cho bà N đến thời điểm này là 405.000.000 đồng; còn thiếu lại số tiền 195.000.000 đồng.

Tại phiên toà bà có ý kiến như sau: Do hiện tại bà không có khả năng trả một lần hết số tiền 195.000.000 đồng cho bà N nên bà yêu cầu được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 07/2021 cho đến khi hết số nợ 195.000.000 đồng.

Tại Bản tự khai ngày 30/12/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P trình bày:

Vào năm 2016 ông có thuê tàu cá số CM91353 của ông Nguyễn Văn A để thu mua cá, thoả thuận trả 400.000.000 đồng thời gian từ năm 2016 đến năm 2028, ông đã giao cho ông A được 200.000.000 đồng. Trong thời gian này ông có hợp

tác với bà Lục Thanh N về việc bà N bỏ tiền sửa chữa tàu cá; tuy nhiên đến tháng 11/2017 ông và bà N không còn hoạt động tàu cá này nữa. Ông có bàn bạc với ông A về việc cho bà D thuê lại tàu cá này và bà D trả cho ông A phần tiền 200.000.000 đồng mà ông còn thiếu; ngoài ra giữa ông, bà N và bà D thoả thuận về việc bà D phải trả tiền sửa chữa tàu cho bà N tổng cộng là 600.000.000 đồng; sau khi thoả thuận xong thì ông không còn chịu trách nhiệm và không còn liên quan gì đến tàu cá số CM91353.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lục Thanh N yêu cầu bà Lê Thị Ngọc D phải trả số tiền bà đã bỏ ra đầu tư sửa chữa tàu cá theo thoả thuận giữa các bên, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự đòi tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị Ngọc D là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Văn P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà của các đương sự có đủ cơ sở xác định: Vào năm 2016 ông P thuê tàu cá số CM91353 của ông Nguyễn Văn A để thu mua cá và ông P có hợp tác với bà N để bà N bỏ tiền vào đầu tư sửa chữa tàu cá; tuy nhiên đến tháng 11/2017 ông P và bà N không còn hoạt động tàu cá này nữa nên ông P cho bà D thuê lại tàu cá. Cùng thời điểm ngày 16/11/2017 bên thuê tàu là bà D đã lập 02 tờ thoả thuận, bao gồm: Tờ thoả thuận sang chủ thuê ghe xác lập cùng với ông A và ông P có nội dung bà D được quyền quản lý sử dụng chiếc tàu CM91353 thời gian từ 16/11/2017 đến 16/11/2028 và chịu trách nhiệm trả số nợ tiền thuê ghe mà ông P chưa thanh toán cho ông A là 200.000.000 đồng; Tờ thoả thuận trả tiền sửa chữa ghe xác lập cùng với ông P và bà N có nội dung giao chiếc tàu CM91353 cho bà D quản lý sử dụng thời hạn 10 năm (đến năm 2028), bà D đồng ý chịu trách nhiệm trả lại tiền sửa chữa tàu mà bà

N đã đầu tư là 600.000.000 đồng; phương thức trả 15.000.000 đồng/tháng vào ngày 15 hàng tháng; trả trong 40 tháng là dứt nợ.

Do trong quá trình thực hiện thoả thuận về việc trả tiền sửa chữa tàu phía bà D không thực hiện đầy đủ việc trả tiền theo đúng cam kết đã ký và hiện tại thời hạn 40 tháng đã hết vào tháng 3/2021 nhưng bà D mới trả cho bà N được tổng cộng 405.000.000 đồng, nên bà N khởi kiện yêu cầu bà D trả cho bà số tiền còn thiếu là 195.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên toà, bà D thừa nhận từ thời điểm bà lập tờ thoả thuận nêu trên thì chiếc tàu CM91353 do bà quản lý, sử dụng và bà có trả tiền sửa chữa tàu cá cho bà N, tuy nhiên do làm ăn không tốt nên bà không thực hiện được đầy đủ việc giao tiền hàng tháng theo thoả thuận; tính đến trước thời điểm bà N khởi kiện thì bà đã trả được 315.000.000 đồng; sau khi bà N khởi kiện, bà đã cho thuê lại chiếc tàu này với giá 90.000.000 đồng/năm và bà đã giao số tiền 90.000.000 đồng này cho bà N, nên tổng cộng số tiền bà đã trả cho bà N là 405.000.000 đồng, còn thiếu lại số tiền là 195.000.000 đồng.

Căn cứ các lời khai thống nhất nêu trên và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định giao dịch dân sự được xác lập giữa các bên về việc bà D nhận thuê tàu cá CM 91353 và chịu trách nhiệm thanh toán tiền sửa chữa tàu cá mà bà N đã đầu tư trước đó với số tiền 600.000.000 đồng là giao dịch có thật; tại phiên tòa, bị đơn bà D cũng xác định đến nay đã hết thời hạn trả nợ theo thoả thuận nhưng bà còn nợ bà N số tiền là 195.000.000 đồng.

Xét thấy giao dịch dân sự giữa hai bên được xác lập hợp pháp, do đó các bên phải thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, nên bà D có nghĩa vụ hoàn trả số tiền còn thiếu là 195.000.000 đồng cho bà N theo thoả thuận được xác lập tại Tờ thoả thuận trả tiền sửa chữa ghe ngày 16/11/2017; nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp quy định tại các Điều 116, khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, phía bị đơn đưa ra yêu cầu được trả nợ dần 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số tiền 195.000.000 đồng; tuy nhiên yêu cầu này của bị đơn không được phía nguyên đơn đồng ý nên Tòa án không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lục Thanh N; buộc bị đơn bà

Lê Thị Ngọc D có trách nhiệm trả cho bà Lục Thanh N số tiền là 195.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D chậm trả số tiền nêu trên thì bà D còn phải trả cho bà N khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà D phải chịu án phí trên số tiền bị buộc trả 195.000.000 đồng, án phí được xác định là 9.750.000 đồng.

Bà N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.125.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008536 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 116, khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lục Thanh N đối với bị đơn bà Lê Thị Ngọc D về tranh chấp đòi tài sản.

2. Buộc bà Lê Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Lục Thanh N số tiền là 195.000.000 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D chậm trả số tiền nêu trên thì bà D còn phải trả cho bà N khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc D phải nộp án phí là 9.750.000 đồng (chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Lục Thanh N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.125.000 đồng (bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số

0008536 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tp. Rạch Giá;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp. Rạch Giá;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Hồng Thắm